TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 10 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 141/2023/TLST - HNGĐ ngày 25/9/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Ma Thị Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn Đập Dóm, xã ĐAn, huyện VY, tỉnh YB; Chị T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn TB, xã MT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh S vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2023, bản tự khai ngày 09/8/2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ma Thị Thanh T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Hữu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐAn, huyện VY, tỉnh YB vào ngày 01/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, luôn cãi lộn, vợ chồng không hạnh phúc, từ năm 2020 vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Hữu S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan Anh sinh ngày 26/10/2009 và Nguyễn Đức Anh sinh ngày 18/5/2018; Ly hôn chị T đề nghị nuôi cháu Nguyễn Thị Lan Anh giao cháu Nguyễn Đức Anh cho anh S nuôi dưỡng, chị T và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/8/2023, các phiên họp và hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Hữu S trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu S và chị Ma Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐAn, huyện VY, tỉnh YB vào ngày 01/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Tại bản khai biên bản hòa giải và phiên họp anh S đồng ý ly hôn với chị T, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh S trình bày do điều kiện công việc, anh S không thể có mặt tại Tòa án để tham gia tất cả các giai đoạn tố tụng được và không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan Anh sinh ngày 26/10/2009 và Nguyễn Đức Anh sinh ngày 18/5/2018; Ly hôn anh S đề nghị giao chị T nuôi cháu Nguyễn Thị Lan Anh; giao cháu Nguyễn Đức Anh cho anh S nuôi dưỡng, chị T và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Ma Thị Thanh T và anh Nguyễn Hữu S; Về giao nuôi con: Giao chị T nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lan Anh, anh S nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Anh, anh S và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Hữu S có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện Thiệu Hóa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T và anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh S.

[2]. Về hôn nhân: Chị Ma Thị Thanh T và anh Nguyễn Hữu S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, chị T và anh S hiện tại mỗi người ở một nơi, anh S ở tỉnh Thanh Hóa, chị T ở tỉnh YB thời gian cũng đã 03 năm sống ly thân, hai bên đều mong muốn ly hôn, mặc dù tại đơn đề nghị vắng mặt anh S không đồng ý ly hôn nhưng không nêu lý do, không tha thiết níu kéo hôn nhân mà bỏ mặc hôn nhân; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh S là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh S thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan Anh sinh ngày 26/10/2009 và Nguyễn Đức Anh sinh ngày 18/5/2018; chị T xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Lan Anh sinh ngày 26/10/2009 và Nguyễn Đức Anh sinh ngày 18/5/2018 có ghi họ tên bố là anh Nguyễn Hữu S, họ tên mẹ là chị Ma Thị Thanh T, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Nguyễn Thị Lan Anh sinh ngày 26/10/2009 và Nguyễn Đức Anh sinh ngày 18/5/2018 là con chung của chị T và anh S. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn, thấy rằng: Hiện tại cháu Nguyễn Đức Anh đang ở cùng gia đình anh S ở xã MT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, cháu Nguyễn Thị Lan Anh đang ở với chị T trên tỉnh YB, hiện tại cháu Nguyễn Thị Lan Anh có mong muốn ở với mẹ, Nên giao cháu Nguyễn Thị Lan Anh cho chị T nuôi dưỡng, cháu Nguyễn Đức Anh cho anh S nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của chị T và anh S, phù hợp với mong muốn của cháu Nguyễn Thị Lan Anh đã hơn 07 tuổi có mong muốn ở với mẹ, phù hợp với hoàn cảnh của mỗi bên đang nuôi 01 con, tránh xáo trộn việc di chuyển, học hành của các cháu. Chị T và anh S mỗi người nuôi 01 con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. *Về phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

Phát biểu của kiểm sát viên về việc chấp hànhpháp luật cũng như căn cứ, quan điểm về nội dung giải quyết về vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Ma Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Hữu S.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Lan Anh sinh ngày 26/10/2009 cho chị Ma Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Nguyễn Đức Anh sinh ngày 18/5/2018 cho anh Nguyễn Hữu S trực tiếp nuôi dưỡng, anh S và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Ma Thị Thanh T phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2022/0000595 ngày 09/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thu **Lê Dũng Tấn** **Hoàng Văn Đạt**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hùng **Trần Công Lâm** **Hoàng Văn Đạt**